

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B2) **Phòng thi:** C1.A108

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 7h30

Ngày thi: 16/12/2021

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ và tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0144	SV5818968	Đỗ Hồng Hà	29/11/1996		
2	TA0145	SV5818969	Hoàng Thị Thu Hồng	25/08/1998		
3	TA0146	SV5818970	Nguyễn Thị Thu	31/08/1998		
4	TA0147	SV5818971	Đỗ Thị Ngọc Anh	28/01/1998		
5	TA0148	SV5818972	Trần Thị Tài Linh	09/01/1998		
6	TA0149	SV5818973	Đỗ Minh Tuấn	17/06/1998		
7	TA0150	SV5818974	Nguyễn Đăng	04/10/1999		
8	TA0151	SV5818975	Vũ Thị Ngọc Ánh	03/09/1998		
9	TA0152	SV5818976	Nguyễn Thu Thảo	26/07/1999		
10	TA0153	SV5818977	Nguyễn Tất Hưng	15/09/1999		
11	TA0154	SV5818978	Lê Thanh Tùng	07/06/1999		
12	TA0155	SV5818979	Mai Thị Loan	26/12/1999		
13	TA0156	SV5818980	Bùi Thị Ngọc	09/02/1998		
14	TA0157	SV5818981	Nguyễn Mạnh Hùng	28/01/1998		
15	TA0158	SV5818982	Nguyễn Anh Tuấn	09/08/1998		
16	TA0159	SV5818983	Nguyễn Thu Hiền	22/09/1999		
17	TA0160	SV5818984	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	07/06/1998		
18	TA0161	SV5818985	Trần Triệu Long	20/07/1999		
19	TA0162	SV5818986	Bùi Đức Cường	19/09/1999		
20	TA0163	SV5818987	Lê Thị Thanh Hiền	27/03/1999		
21	TA0164	SV5818988	Nguyễn Thị Ngọc Anh	14/11/1999		
22	TA0165	SV5818989	Lưu Thùy Linh	14/04/1999		
23	TA0166	SV5818990	Đặng Thị Ngọc Ly	27/04/1999		
24	TA0167	SV5818991	Nguyễn Duy Đức	09/08/1999		
25	TA0168	SV5818992	Bùi Thị Hằng	16/09/1999		
26	TA0169	SV5818993	Phạm Dương Khánh	27/10/1997		

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ và tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
27	TA0170	SV5818994	Nguyễn Việt Hoàng Tùng	15/12/1999		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)